

**CÔNG TY TNHH
CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**
Số: 23.016/JSI-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 11 tháng 08 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 84-24 3791 1818

Fax: 84-24 3791 5808

Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Hồng Thúy**

Địa chỉ: Tầng 7, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0986.692.882

Fax: 84-24 3791 5808

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản CBTT điều lệ Công ty sửa đổi ngày 11/08/2023.

Thông tin này đã được đăng trên website của công ty tại địa chỉ: <http://japan-sec.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Điều lệ Công ty

Người được ủy quyền công bố thông tin



Lê Thị Hồng Thúy
Phó phòng hành chính nhân sự



ĐIỀU LỆ CÔNG TY COMPANY CHARTER

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
JAPAN SECURITIES CO., LTD.

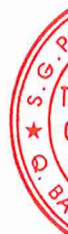


HÀ NỘI, NGÀY 11 THÁNG 08 NĂM 2023

HANOI, AUGUST 11, 2023

Phiên bản 2310

Version 2310



MỤC LỤC
CONTENTS

CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	4
<i>LEGAL BASIS</i>	4
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
<i>Chapter I. DEFINITIONS OF TERMS IN THE CHARTER</i>	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
Article 1. <i>Explanation</i>	4
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
<i>Chapter II. NAME, TYPE OF BUSINESS, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, OPERATING PERIOD AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY</i>	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của công ty	6
Article 2. <i>Name, type of business, headquarters, branches, representative offices, business locations, operating period of the Company</i>	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	8
Article 3. <i>The company legal representative</i>	8
Chương III. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	11
<i>Chapter III. TARGETS, PRINCIPLES, SCOPE OF BUSINESS AND OPERATION OF THE COMPANY</i>	11
Điều 4. Nghiệp vụ kinh doanh, mục tiêu và nguyên tắc hoạt động.....	11
Article 4. <i>Targets, principles and operation objectives of the company</i>	11
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty	14
Article 5. <i>Scope of business and operation of the company</i>	14
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ	14
<i>Chapter IV. CHARTER CAPITAL</i>	14
Điều 6. Vốn điều lệ.....	14
Article 6. <i>Charter capital</i>	14
Điều 7. Tăng, giảm vốn điều lệ	14
Article 7. <i>Increasing or decreasing the charter capital</i>	14
Chương V. CHỦ SỞ HỮU, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY	15
<i>Chapter V. OWNER, RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE COMPANY OWNER</i>	15
Điều 8. Thông tin về chủ sở hữu công ty	15
Article 8. <i>Information about the Company Owner</i>	15
Điều 9. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty	16
Article 9. <i>Rights and obligations of the Company Owner</i>	16

12
C
RÁCH
CHỦ
NH
ĐI

Chương VI. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	18
<i>Chapter VI. COMPANY MANAGEMENT AND ADMINISTRATION.....</i>	18
Điều 10. Bộ máy quản trị điều hành của công ty.....	18
<i>Article 10. Organization of the management apparatus.....</i>	18
Điều 11. Chủ tịch công ty	18
<i>Article 11. The President of Company.....</i>	18
Điều 12. Tổng giám đốc	19
<i>Article 12. Chief Executive Officer</i>	19
Điều 13. Trách nhiệm của Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và người quản lý khác	21
<i>Article 13. Responsibilities of the Company President, Chief Executive Director and other executives</i>	21
Điều 14. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý công ty	22
<i>Article 14. Salary, remuneration, bonus and other benefits of the company's executives.....</i>	22
Chương VII. KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO	22
<i>Chapter VII. INTERNAL CONTROL AND RISK MANAGEMENT.....</i>	22
Điều 15. Bộ phận quản trị rủi ro	22
<i>Article 15. Risk management office</i>	22
Điều 16. Bộ phận kiểm soát nội bộ.....	25
<i>Article 16. Internal control office</i>	25
Chương VIII. XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN	27
<i>Chapter VIII. HANDLING OF RELATIONSHIP WITH RELATED PARTNERS.....</i>	27
Điều 17. Các tranh chấp có thể xảy ra.....	27
<i>Article 17. Disputes may occur.....</i>	27
Điều 18. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp	28
<i>Article 18. Handling of disputes</i>	28
Điều 19. Các hợp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan.....	28
<i>Article 19. Contracts and transactions of the company with related persons</i>	28
Chương IX. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	30
<i>Chapter IX. EMPLOYEES AND TRADE UNION</i>	30
Điều 20. Công nhân viên và công đoàn.....	30
<i>Article 20. Employees and trade union.....</i>	30
Chương X. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN.....	30
<i>Chapter X. MANAGEMENT ON FINANCIAL, ACCOUNTING AND AUDIT.....</i>	30
Điều 21. Tài khoản ngân hàng.....	31
<i>Article 21. Bank accounts</i>	31
Điều 22. Năm tài chính.....	31
<i>Article 22. Fiscal year</i>	31
Điều 23. Chế độ kế toán	31
<i>Article 23. Accounting</i>	31
Điều 24. Kiểm toán.....	32
<i>Article 24. Audit.....</i>	32

Điều 25. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận	32
<i>Article 25. Principles of profit distribution</i>	32
Điều 26. Xử lý lỗ trong kinh doanh	32
<i>Article 26. Handling of business losses</i>	32
Điều 27. Trích lập các quỹ theo quy định.....	32
<i>Article 27. Appropriation of funds according to regulations</i>	32
Chương XI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	33
<i>Chapter XI. REPORTS AND INFORMATION DISCLOSURE</i>	33
Điều 28. Công bố thông tin.....	33
<i>Article 28. Information disclosure</i>	33
Chương XII. GIA HẠN THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	34
<i>Chapter XII. EXTENSION OF OPERATION, RESTRUCTURING, DISSOLUTION AND BANKRUPTCY OF THE COMPANY.....</i>	34
Điều 29. Gia hạn hoạt động	34
<i>Article 29. Extension of operating period.....</i>	34
Điều 30. Tổ chức lại công ty	34
<i>Article 30. Reorganization of the company</i>	34
Điều 31. Giải thể.....	35
<i>Article 31. Dissolution of the company.....</i>	35
Điều 32. Phá sản	35
<i>Article 32. Bankrupt.....</i>	35
Điều 33. Thanh lý	36
<i>Article 33. Liquidation.....</i>	36
Chương XIII. DẤU CỦA CÔNG TY	37
<i>Chapter XIII. THE COMPANY'S SEALS.....</i>	37
Điều 34. Dấu của công ty	37
<i>Article 34. The company's seals</i>	37
Chương XIV. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	37
<i>Chapter XIV. REVISING THE COMPANY'S CHARTER</i>	37
Điều 35. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	37
<i>Article 35. Revising the Company Charter</i>	37
Chương XV. NGÀY HIỆU LỰC	38
<i>Chapter XV. EFFECTIVE DATE.....</i>	38
Điều 36. Ngày hiệu lực	38
<i>Article 36. Effective date.....</i>	38

CĂN CỨ PHÁP LÝ

LEGAL BASIS

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi bổ sung;
Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 ratified by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020 as well as its documents guiding the implementation, amendment and supplement;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi bổ sung;
Law on Securities No. 54/2019/QH14 ratified by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019 as well as its documents guiding the implementation, amendment and supplement;
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán lần đầu số 103/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/01/2009 và các Giấy phép điều chỉnh kèm theo;
The initial establishment and operation license No. 103/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on January 16, 2009 and the followed Amendments;
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán cấp lại số 129/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/08/2021 và các Giấy phép điều chỉnh kèm theo;
The re-issued establishment and operation license No. 129/GP-UBCK issued by the State Securities Commission on August 10, 2021 and the followed Amendments;
- Quyết định số 23.029/JSI-QĐ của Chủ tịch công ty Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản ban hành ngày 11/08/2023 về việc thông qua Điều lệ này;
Decision No. 23.029/JSI-QD of the Company President of Japan Securities Co., Ltd. issued on August 11, 2023 on the approval of this Charter;

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Chapter I. DEFINITIONS OF TERMS IN THE CHARTER

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Article 1. Explanation

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
For the purpose of this Charter, the terms below are construed as follows:
 - a) “Công ty” là Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản;
“Company” is Japan Securities Co., Ltd.
 - b) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị các phần vốn góp do Chủ sở hữu công ty đã góp và được ghi vào Điều lệ công ty;
“Charter capital” means the total value of capital contribution which was contributed by the Company Owner and recorded in the Company Charter;

- c) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi bổ sung;
“Law on Enterprises” means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 ratified by National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020 as well as its documents guiding the implementation, amendment and supplement;
- d) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi bổ sung;
“Law on Securities” means the Law on Securities No. 54/2019/QH14 ratified by National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019 as well as its documents guiding the implementation, amendment and supplement;
- e) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
“Vietnam” means the Socialist Republic of Vietnam;
- f) “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
“SSC” is the Vietnam State Securities Commission.
- g) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
“Stock Exchanges” include Vietnam Exchange (VNX) and its subsidiary companies.
- h) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
“Related persons” are the individuals, organizations defined in Clause 46 Article 4 of the Law on Securities;
- i) “Người quản lý công ty” bao gồm Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo ủy quyền của Chủ tịch công ty (nếu có);
“Company managers” include the Company President, Chief Executive Officer, Senior Executive Officer(s), legal representative and other persons holding managerial positions as authorized by the Company President;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
The references in this Charter also include their amendments, supplements or replacements.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
The titles of Chapters and Articles of this Charter are meant to facilitate readers and do not affect the contents of this Charter.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.
Words or terms defined in the Law on Enterprises, the Law on Securities will have the same meanings in this Charter if they do not conflict with the subject or the context.

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Chapter II. NAME, TYPE OF BUSINESS, HEADQUARTERS, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, OPERATING PERIOD AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của công ty

Article 2. Name, type of business, headquarters, branches, representative offices, business locations, operating period of the Company

1. Tên công ty

Name of the company

- a) Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Name of the company in Vietnamese: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
- b) Tên công ty viết bằng tiếng Anh: JAPAN SECURITIES CO., LTD.
Name of the company in English: JAPAN SECURITIES CO., LTD.
- c) Tên công ty viết bằng tiếng Nhật: ジャパン証券株式会社 (Japan Shouken Kabushikikaisha)
Name of the company in Japanese: ジャパン証券株式会社 (Japan Shouken Kabushikikaisha)
- d) Tên viết tắt: JSI
Abbreviated name: JSI

2. Hình thức pháp lý

Type of business

- a) Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Aizawa Securities Group Co., Ltd. tại Nhật Bản làm chủ sở hữu (sau đây gọi là Chủ sở hữu công ty) nắm giữ 100% vốn điều lệ;
Japan Securities Co., Ltd. operates in the type of a one-member limited liability company. The company is owned by Aizawa Securities Group Co., Ltd. in Japan (hereinafter referred to as the Company Owner) who holds 100% charter capital;
- b) Công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 103/UBCK-GP ngày 16/01/2009; sau đó là Giấy phép thành lập

và hoạt động cấp lại số 129/GP-UBCK ngày 10/08/2021 do UBCKNN ban hành, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mô tả tại Điều 4 Điều lệ này;

The company is legally established and operated in Vietnam under the initial establishment and operation license No. 103/UBCK-GP issued on January 16, 2009; the re-issued establishment and operation license No. 129/GP-UBCK issued on August 10, 2021 by the SSC. It carries out business activities as described in Article 4 of this Charter;

- c) Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo mô tả tại Điểm b Khoản này, có con dấu riêng, có tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ;

The company has legal status from the issuance date of the License of establishment and operation as described in Point b of this Clause, has its own seal, has banking accounts in Vietnamese currency and foreign currency;

- d) Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

The Company Owner's liability for the company's debts and other liabilities shall be equal to the company's charter capital.

3. Trụ sở đăng ký của công ty

The registered head office of the company

- a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Address of the head office: 7th floor, Tower 1, Capital Place Building, 29 Lieu Giai, Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District, Hanoi

- b) Điện thoại: +84.24.3791.1818

Phone number: +84.24.3791.1818

- c) Fax: +84.24.3791.5808

Fax: +84.24.3791.5808

- d) Email: info@japan-sec.vn

Email: info@japan-sec.vn

- e) Địa chỉ trang web: <https://www.japan-sec.vn/>

Website: https://www.japan-sec.vn/

- f) Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, công ty có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của Chủ sở hữu công ty và thực hiện các thủ tục về việc thay đổi trụ sở theo quy định của pháp luật.

Based on the actual situation, the company may change the head office according to the decision of the Company Owner and carry out the procedures for such change in accordance with the law.

4. Công ty có thể thành lập, đóng cửa, thay đổi địa chỉ hoạt động của chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty phù hợp với quyết định của Chủ sở hữu công ty và trong phạm vi luật pháp cho phép.
The company may establish branches and representative offices in the business area to pursue its targets in accordance with decisions of the Company Owner and the law.
5. Thời hạn hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều lệ này, thời hạn hoạt động của công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.
Unless the company is shut down before the expiration of the period specified or extends the operating period as prescribed in this Charter, the company's operating period shall be indefinite from the establishment date.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật
Article 3. The company legal representative

1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
The company has one legal representative who is the Company President. The company legal representative is the person that, on behalf of the company, exercises and performs the rights and obligations derived from the company's transactions, acts as the plaintiff, defendant or person with relevant interests and duties before in court, arbitration, and performs other rights and obligations prescribed by law.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty với tư cách là người đại diện theo pháp luật của công ty:
Rights and obligations of the Company President as the company legal representative:
 - a) Nhân danh Chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và của pháp luật có liên quan;
Perform the Company Owner's rights and obligations under the name of the Company Owner; perform the company's rights and obligations under the name of the company, except the rights and obligations of the Chief Executive Officer as prescribed in Article 12 of this Charter; take responsibility to the law and the Company Owner for his/her performance as prescribed by the Company Charter, the Law on Securities, the Law on Enterprise and relevant laws.
 - b) Ký hợp đồng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này;
Sign the labor contracts, appoint or dismiss the company managers as prescribed in Point g Clause 1 Article 1 of this Charter;

- c) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập;
Establish department or assign staff to perform the tasks of internal control and risk management to define the risk management policy in the company's operations, inspect and evaluate the conformity as well as the effectiveness of the established risk management system;
- d) Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh trong quá trình hoạt động nghiệp vụ của công ty. Chủ tịch công ty có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
Prevent and resolve the conflicts that may arise during the company's operations. The Company President can appoint staff to implement the necessary systems or set up a dedicated team to resolve such conflicts within the company or serve this purpose;
- e) Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng giám đốc đệ trình (nếu có);
Approve the transactions which are out of the business scope and financial plan submitted by the Chief Executive Officer (if any);
- f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.
Other rights and obligations as stipulated in Article 11 of this Charter, the Law on Enterprises, the Law on Securities and relevant laws.
3. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây
Responsibilities of the company legal representative are as follow
- a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;
Perform his/her rights and obligations in an honest and prudent manner to protect the company's lawful interests;
- b) Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
Be loyal to the company's interests; no abuse his/her power and position or use the company's information, secrets, business opportunities and assets for personal gain or serve any other organization or individual's interests;
- c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Promptly, fully and correctly provide the company with information about the enterprises that he/she or his/her related person(s) owns or has shares/stakes in as prescribed in the Law on Enterprise;

- d) Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này.
The company legal representative shall be personally responsible for any damage to the company within the limits of responsibilities specified in Points a, b and c of this Clause.

4. Khi người đại diện theo pháp luật của công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Whenever the company legal representative leaves Vietnam, he/she has to authorize another individual residing in Vietnam, in writing, to act as the company legal representative, in which case the authorizing person is still responsible for the authorized person's performance.

5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Chủ sở hữu công ty quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty;

In case the authorizing person has not returned to Vietnam when the letter of authorization mentioned in Clause 4 this Article expires and does not have any further actions, the authorized person shall continue acting as the company legal representative until the authorizing person returns or until the Company Owner designates another legal representative.

6. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Chủ sở hữu công ty cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

In case the company legal representative is not present in Vietnam for more than 30 days without authorizing another person to act as the company legal representative, or is dead, missing, facing criminal prosecution, kept in temporary detention, serving an imprisonment sentence, serving an administrative penalty in a correctional institution or rehabilitation center, has limited legal capacity or is incapacitated, has difficulty controlling his/her own behaviors, is banned by the court from holding certain positions or doing certain works, the Company Owner shall appoint another legal representative.

Chương III. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**Chapter III. TARGETS, PRINCIPLES, SCOPE OF BUSINESS AND OPERATION OF THE COMPANY****Điều 4. Nghiệp vụ kinh doanh, mục tiêu và nguyên tắc hoạt động**
Article 4. Targets, principles and operation objectives of the company

1. Nghiệp vụ kinh doanh của công ty bao gồm:
The company's business lines:

- a) Môi giới chứng khoán;
Securities brokerage;
- b) Tư vấn đầu tư chứng khoán;
Securities investment consultancy;
- c) Tự doanh chứng khoán.
Proprietary trading.

2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, công ty được phép cung cấp các dịch vụ chứng khoán và dịch vụ tài chính theo quy định của tại các Khoản 1, 2, 4, 5 Điều 86 Luật Chứng khoán. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Chủ sở hữu công ty phê chuẩn.
In addition to the securities trading operations specified in Clause 1 this Article, the company is allowed to provide securities services and financial services in accordance with the provisions of Clauses 1, 2, 4, 5, Article 86 of the Law on Securities. The company may conduct business activities in other fields as permitted by law and approved by the Company President.

3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.
The company may supplement or stop one or some of the business services referred in Clause 1 this Article after getting SSC's approval.

4. Mục tiêu hoạt động của công ty
The basic principles and raison d'etre (significance) of the company

- a) Triết lý cơ bản của công ty là luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của cộng đồng. Đối với khách hàng, công ty hỗ trợ quản lý tài sản của họ thông qua việc cung cấp các sản phẩm thiết yếu với chất lượng cao nhất; đối với nhân sự, công ty cung cấp một môi trường làm việc lành mạnh và hạnh phúc. Việc tuân thủ những nguyên tắc này sẽ đảm bảo rằng công ty sẽ mang lại lợi nhuận cho khách hàng của mình cũng như mang lại lợi ích cho các bên có liên quan; đồng thời, công ty đóng góp vào sự ổn định kinh tế của quốc gia.
As the key element of our philosophy, we have the basic concept of the company as a public entity of society. In other words, we hold a wide range of assets from customers and corporations, provide indispensable products, and contribute to the realization of

people's rich lives, and make the people who work there happy. Our Going Concern is to pursue the interests of our customers and interested parties, and at the same time, they must lead to national interests.

- b) Công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận.
The company may have other principles during its operation time in compliance with law. If any objective needs the approval from authorities, it can only be conducted after being approved by the competent authorities.

5. Nguyên tắc hoạt động của công ty:

Operational principles of the company:

- a) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
Establish an internal control system, manage and monitor risks, prevent the conflicts of interest within the company and in transactions with related persons.
- b) Bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
Ensure that employees work in professional departments must have securities practicing certificates in accordance with the operations, comply with the law of securities and securities markets.
- c) Ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.
Issue the working procedures for all operations.
- d) Ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.
Issue the code of practice ethics.
- e) Công ty và nhân viên công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định tại Điều 19 Thông tư 121/2020/TT-BTC quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.
The company and its employees are not allowed to make investments on behalf of customers except for the case of entrusting the management of securities trading accounts of individual investors as prescribed in Article 19 of Circular 121/2020/TT-BTC issued on December 31, 2020 regulates the operation of securities companies by the Ministry of Finance.
- f) Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty chứng khoán.

Be responsible for being honest with customers, not violate upon customers' property, rights and other legitimate interests. Perform the separated assets management of each customer, separated assets of customers from those of the company.

- g) Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
Be responsible for signing contracts with customers when providing services to customers; provide the completed and honest information to customers.
- h) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
Unless otherwise provided by law, the company, when providing services to customers, is not allowed to directly or indirectly perform the following acts:
- Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
Decide the securities investment on behalf of customers;
 - Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
Deal with customers to share profits or losses;
 - Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
Advertise or declare that the content, performance, or analytical methods of the company are more valuable than those of other securities companies;
 - Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
Have the acts of providing false information to seduce or invite customers to buy or sell stocks;
 - Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
Provide false, fraudulent, or misleading information to customers;
 - Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.
Other acts contrary to the provisions of law.
- i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
Comply with the accounting, auditing, statistics and financial obligations regimes in accordance with law.
- j) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.
Promptly, fully and accurately disclose information and report in accordance with law.
- k) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.

Build the information technology system and backup database to ensure safe and continuous operations.

- l) Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
Supervise the securities transactions according to regulations of the Minister of Finance.
- m) Thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
Set up a dedicated department responsible for communication with customers and handling queries and complaints of customers.
- n) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.
Fulfill other obligations in accordance with the law on securities and relevant laws.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty
Article 5. Scope of business and operation of the company

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều 4 Điều lệ này. Các hoạt động kinh doanh phải đăng ký và thông báo nội dung thay đổi (nếu có) với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Chứng khoán.

The company may conduct business within the business lines specified in Article 4 of this Charter. Such business lines must register and notify changes (if any) to the State Securities Commission. The conditions specified in the Law on Securities must be fulfilled.

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ
Chapter IV. CHARTER CAPITAL

Điều 6. Vốn điều lệ
Article 6. Charter capital

1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của công ty là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng./.).
On the date this Charter is approved, the company's charter capital is 300,000,000,000 VND (In words: Three hundred billion Vietnam dongs./.).
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Chủ sở hữu công ty thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
The company's charter capital may be changed if it is approved by the Company Owner and conformable with regulations of law.

Điều 7. Tăng, giảm vốn điều lệ
Article 7. Increasing or decreasing the charter capital

1. Công ty tăng vốn điều lệ thông qua việc Chủ sở hữu công ty góp thêm vốn hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu công ty quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.

The company may increase its charter capital when the Company Owner contributes more capital or raises capital from other persons. The Company Owner shall decide on the specific increase amount and the method.

2. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần. Việc tổ chức quản lý công ty được thực hiện như sau:

In case of raising capital from other persons, the company shall be converted into a multiple-member limited liability company or joint stock company. To be specific:

- a) Trường hợp tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ;

In case of conversion into a multiple-member limited liability company, a notification of change in enterprise registration information shall be submitted within 10 days from the day on which the change in charter capital is completed;

- b) Trường hợp chuyển đổi thành công ty cổ phần thì công ty thực hiện theo quy định tại Điều 202 của Luật doanh nghiệp.

In case of conversion into a joint stock company, the company follows the instructions in Article 202 of the Law on Enterprise.

3. Công ty giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

The company may decrease its charter capital in the following cases:

- a) Hoàn trả một phần vốn góp cho Chủ sở hữu công ty và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty;

Part of the contributed capital is returned to the Company Owner; the company must ensure the full payment of all debts and other property obligations after the capital contribution has been returned to the Company Owner;

- b) Vốn điều lệ không được chủ sở hữu công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 75 của Luật doanh nghiệp.

Charter capital is not fully and punctually contributed by the Company Owner as prescribed in Article 75 of the Law on Enterprise.

Chương V. CHỦ SỞ HỮU, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY **Chapter V. OWNER, RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE COMPANY OWNER**

Điều 8. Thông tin về chủ sở hữu công ty **Article 8. Information about the Company Owner**

1. Tên chủ sở hữu công ty: Aizawa Securities Group Co., Ltd.
Name of the Company Owner: Aizawa Securities Group Co., Ltd.

2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0100-01-036574 cấp ngày 01/10/2021 bởi Chính phủ Nhật Bản
Certificate of business registration: 0100-01-036574 issued on October 1, 2021 by the Government of Japan
3. Địa chỉ trụ sở chính: 1-9-1, Higashishinbashi, Minato-ku, Tokyo, Nhật Bản
Head office address: 1-9-1, Higashishinbashi, Minato-ku, Tokyo, Japan

Điều 9. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty
Article 9. Rights and obligations of the Company Owner

1. Chủ sở hữu công ty có các quyền sau:
The Company Owner has the right to:
 - a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
Decide on the contents of the Company Charter, amend and supplement the Company Charter;
 - b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
Decide on the annual business plan and development strategy of the company;
 - c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch công ty và (các) Phó chủ tịch công ty (nếu có);
Decide on the organizational and managerial structure of the company; appoint or dismiss the Company President and Vice President(s) (if any);
 - d) Quyết định dự án đầu tư phát triển;
Decide on development investment project;
 - e) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
Decide on the solutions for market development, marketing and technology;
 - f) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và các hợp đồng khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
Approve of contracts for loan, debt, asset purchase and other contracts with a value of 50% or more of the total value of assets recorded in the most recent financial statements of the company;
 - g) Thông qua báo cáo tài chính của công ty;
Approval of the company's financial statements;
 - h) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu;
Decide on the increase of the company's charter capital; transfer part or all of the company's charter capital to other organizations or individuals; decide on issuing bonds;

- i) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;
Decide on the establishment of subsidiaries, capital contribution to other companies;
 - j) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;
Organize monitoring and evaluate of business operations of the company;
 - k) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;
Decide on the use of profits after tax obligations and other financial obligations of the company are fulfilled;
 - l) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
Decide on re-organization, dissolution and bankruptcy request of the company;
 - m) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
Withdraw the entire asset value of the company after the company completes its dissolution or bankruptcy;
 - n) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.
Other rights and obligations prescribed by the Law on Enterprises, the Law on Securities and the Company Charter.
2. Chủ sở hữu công ty có các nghĩa vụ sau:
The Company Owner has the obligation to:
- a) Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.
Fully and punctually contribute charter capital.
 - b) Tuân thủ Điều lệ công ty.
Comply with the Company Charter.
 - c) Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty với tài sản của công ty.
Separate the company's assets and the owner's assets.
 - d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, hợp đồng, giao dịch khác giữa công ty và Chủ sở hữu công ty.
Comply with regulations of law on contracts and relevant laws while making purchases, sales, borrowing, lending, leasing, entering into contracts and conducting other transactions between the company and the Company Owner.
 - e) Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu công ty và cá nhân,

tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

The Company Owner may only withdraw capital by transfer part or all of the charter capital to other organizations or individuals. If the capital is withdrawn otherwise, the Company Owner as well as relevant organizations and individuals shall be jointly responsible for the company's debts and other liabilities.

- f) Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

The Company Owner must not withdraw profit when the company is unable to fully pay its debts and liabilities when they are due.

- g) Nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Other obligations prescribed by law and the Company Charter.

Chương VI. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Chapter VI. COMPANY MANAGEMENT AND ADMINISTRATION

Điều 10. Bộ máy quản trị điều hành của công ty

Article 10. Organization of the management apparatus

Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 79 Luật Doanh nghiệp bao gồm Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc.

The company operates under the model specified at Point a, Clause 1, Article 79 of the Law on Enterprises which includes the Company President and Chief Executive Officer.

Điều 11. Chủ tịch công ty

Article 11. The President of Company

1. Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh Chủ sở hữu công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

The Company President shall be designated by the Company Owner, perform the Company Owner's rights and obligations under the Company Owner's name; perform the company's rights and obligations under the company's name, except the rights and obligations of the Chief Executive Officer; take responsibility to the law and the Company Owner for his/her performance as prescribed by the Company Charter and relevant laws.

2. Quyền, nghĩa vụ và chế độ làm việc của Chủ tịch công ty được thực hiện theo quy định tại:
Rights, obligations and working regime of the Company President shall comply with the provisions of:

- a) Quyết định bổ nhiệm được ban hành bởi Chủ sở hữu công ty;

The appointment decision which is issued by the Company Owner;

- b) Hợp đồng lao động được ký với công ty;
The labor contract with the company.
 - c) Điều lệ công ty; và
The Company Charter; and
 - d) Quy định khác của pháp luật có liên quan.
Other relevant laws.
3. Quyết định của Chủ tịch công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty có hiệu lực kể từ ngày được Chủ sở hữu công ty phê duyệt.
Decision of the Company President on the performance of the Company Owner's rights and obligations shall be effective from the day on which it is approved by the Company Owner.

Điều 12. Tổng giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc
Article 12. Chief Executive Officer and the members of the Board of Directors

1. Chủ tịch công ty có thể bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm với số nhiệm kỳ không hạn chế để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch công ty có thể kiêm Tổng giám đốc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
The Company President shall designate or hire the Chief Executive Officer within a term not exceeding 05 years and an unlimited number of terms to manage the company's daily business. The Chief Executive Officer shall be responsible for the law and the Company President for his/her performance. The Company President may concurrently hold the position of the Chief Executive Officer unless otherwise prescribed by law.
2. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:
The Chief Executive Officer has the following rights and obligations:
- a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty;
Organize the implementation of resolutions and decisions of the Company President;
 - b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;
Decide the daily operating issues of the company;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
Organize the implementation of the company's business plans and investment plans;
 - d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty;
Issue the company's internal rules and regulations;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;
Assign or dismiss the company's managers, except those within jurisdiction of the Company President;



- f) Ký hợp đồng lao động và các hợp đồng khác nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;
Sign the labor contracts under the company's name, except those within jurisdiction of the Company President;
- g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
Propose the company's organizational structure;
- h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Chủ tịch công ty;
Submit the annual financial statements to the Company President;
- i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
Propose the plans for use of profits or settlement of business losses;
- j) Tuyển dụng lao động;
Recruit employees;
- k) Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty và hợp đồng lao động.
Other rights and obligations specified in the Company Charter and the labor contract.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của các thành viên Ban giám đốc:
Standards and conditions of the members of the Board of Directors:
- a) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; Tổng giám đốc công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác.
The Chief Executive Officer, the Senior Executive Officer(s) must not concurrently work for another securities company, fund management company or other enterprise; the Chief Executive Officer is not allowed to be a member of the Board of Directors, member of the Members' Council of another securities company.
- b) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc phụ trách nghiệp vụ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán.
The Chief Executive Officer, the Senior Executive Officer(s) in charge of operations must meet the standards specified in Clause 5, Article 74 of the Law on Securities.
- c) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
Not falling into the subjects specified in Clause 2, Article 17 of the Law on Enterprises;
- d) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và điều kiện khác do Chủ sở hữu công ty và/hoặc Chủ tịch công ty quy định.
Have qualifications and experience in business administration of the company and other conditions requested by the Company Owner and/or the Company President.
4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban giám đốc:

Dismiss, designate the members of the Board of Directors:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban giám đốc theo quy định tại Khoản 3 Điều này và/hoặc các quy định của pháp luật có liên quan.
No longer qualified as the members of the Board of Directors as prescribed in Clause 3 this Article and/or relevant regulations of law.
- b) Có đơn xin từ nhiệm.
There is a resignation letter.
- c) Theo quyết định của Chủ sở hữu công ty hoặc Chủ tịch công ty.
According to the decision of the Company Owner or the Company President.

Điều 13. Trách nhiệm của Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và người quản lý khác
Article 13. Responsibilities of the Company President, Chief Executive Director and other executives

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
Comply with regulations of law, the Company Charter, decisions of the Company Owner in performance of their rights and obligations.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và Chủ sở hữu công ty.
Perform their rights and obligations in an honest and prudent manner to serve the best and lawful interests of the company and its Owner.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và Chủ sở hữu công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
Be loyal to the interests of the company and its Owner; no abuse their power and position or use the company's information, secrets, business opportunities and assets for personal gain or serve any other organization or individual's interests.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Chủ sở hữu công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
Promptly, fully and correctly notify the Company Owner with information about the enterprises that they own or have controlling shares/stakes and the enterprises that their related persons own, jointly own or have separate controlling shares/stakes. Such notifications shall be archived at the company's headquarters.
5. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
Other responsibilities prescribed by laws and the Company Charter.

Điều 14. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý công ty
Article 14. Salary, remuneration, bonus and other benefits of the company's executives

1. Người quản lý công ty được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo Hợp đồng lao động và kết quả, hiệu quả kinh doanh của công ty.
The company's executives shall receive salaries, remuneration, bonuses and other benefits according to the labor contract as well as the company's business result and performance.
2. Chủ sở hữu công ty quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch công ty. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.
The Company Owner shall decide the salaries, remuneration, bonuses and other benefits of the Company President. Salaries, remuneration, bonuses and other benefits of the company's executives shall be recorded as the company's expenses in accordance with regulations of law on corporate income tax and relevant laws and shall be placed in a separate section in the company's annual financial statements.

Chương VII. KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO
Chapter VII. INTERNAL CONTROL AND RISK MANAGEMENT

Điều 15. Bộ phận quản trị rủi ro
Article 15. Risk management office

1. Chủ sở hữu công ty phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo nguyên tắc sau:
The Company Owner must build the risk management system base on the following principles:
 - a) Hệ thống tổ chức quản trị rủi ro tối thiểu phải quy định các nội dung sau:
The risk management system must provide at least the following:
 - Trách nhiệm của Chủ sở hữu công ty chứng khoán trong việc quản trị rủi ro;
Responsibilities of the Company Owner in risk management tasks;
 - Trách nhiệm của Tổng giám đốc và hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc quản trị rủi ro;
Responsibility of the Chief Executive Officer and the internal control system in risk management tasks;
 - Trách nhiệm của Bộ phận quản trị rủi ro và các trưởng bộ phận nghiệp vụ trong công ty trong việc quản trị rủi ro;
Responsibilities of the Risk management office and head of operational departments in the company in risk management tasks;
 - Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Chủ sở hữu công ty thông qua;

A clear and transparent risk management strategy reflected in the risk policy in the long term and in each specific period approved by the Company Owner;

- Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
The implementation plan through full policies and processes;
 - Công tác quản lý kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng giám đốc;
The regular management, inspection and review by the Chief Executive Officer;
 - Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.
Fully issue and implement risk management policies, processes and limits, set up the appropriate activities on risk management information.
- b) Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải đảm bảo công ty có khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm;
The risk management system is established to ensure the company is capable of identifying, measuring, monitoring, reporting and effectively handling the significant risks while fully meeting its compliance obligations at all times;
- c) Hệ thống quản trị rủi ro phải được xây dựng để đảm bảo công tác quản trị rủi ro được thực hiện độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất;
The risk management system is established to ensure the risk management is performed independently, objectively, honestly and uniformly;
- d) Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải đảm bảo các bộ phận tác nghiệp và bộ phận quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau và người phụ trách bộ phận tác nghiệp không đồng thời phụ trách bộ phận quản trị rủi ro và ngược lại.
The risk management system is established to ensure the operational departments and the Risk management office are organized separately and independently from each other, and the person in charge of the operational departments are not concurrently in charge of the Risk management office and vice versa.
2. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro trong công ty phải đảm bảo các nguyên tắc sau:
The internal process and regulations on risk management in the company must ensure the following principles:
- a) Hệ thống quản trị rủi ro trong công ty phải được vận hành dựa trên các quy trình, quy chế nội bộ bằng văn bản;
The risk management system in the company must be operated based on the written internal regulations and procedures;
 - b) Các quy trình, quy chế nội bộ phải được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình quản trị rủi ro liên quan. Công ty phải thường xuyên rà soát và cập nhật lại các quy trình, quy chế nội bộ này;

The internal procedures and regulations must be clearly presented, so that, all involved individuals understand their duties and responsibilities and can describe in detail the governance process in related risks. The company must regularly review and update these internal processes and regulations;

- c) Các quy trình, quy chế nội bộ phải đảm bảo cơ quan quản lý nhà nước và kiểm soát nội bộ hiểu được hoạt động quản trị rủi ro của công ty;

The internal processes and regulations must ensure the state management authorities and internal controller understand the risk management activities of the company;

- d) Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro phải có tối thiểu các nội dung sau:

The internal process and regulations on risk management must contain at least the following contents:

- Cơ cấu tổ chức và mô tả chức năng nhiệm vụ, cơ chế phân cấp thẩm quyền quyết định và trách nhiệm;

Organizational structure and description of functions and duties, decentralization mechanism for decision-making and responsibility;

- Chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo trao đổi thông tin về rủi ro và xử lý rủi ro;

Risk policy, limit of risk, process of risk identification, measurement of risks, monitoring of risks, reporting on information exchange about risks and handling of risks;

- Các quy tắc phải đảm bảo nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật.

The rules must ensure the obligation to comply with the law.

3. Công ty phải xây dựng hệ thống quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nội dung: xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, giám sát rủi ro, và xử lý rủi ro.

The company must build a system of risk management process including the following contents: risk identification, risk measurement, risk monitoring, risk monitoring, and risk treatment.

4. Xây dựng kế hoạch dự phòng

Build up the business continuity planning

- a) Công ty phải xây dựng kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp xảy ra nhằm đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của công ty;

The company must build up the business continuity planning for emergencies cases to ensure the continuity in the company's business operations;

- b) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát thường xuyên kế hoạch dự phòng. Kế hoạch dự phòng phải được Chủ sở hữu công ty thông qua.

The Chief Executive Officer is responsible for building and regularly reviewing such business contingency plan. The business contingency plan must be approved by the Company Owner.

5. Nguyên tắc lưu trữ hồ sơ, tài liệu

Principles of archiving documents and materials

- a) Tất cả hồ sơ, tài liệu, báo cáo, biên bản họp, nghị quyết của Chủ sở hữu công ty, các báo cáo về rủi ro, các quyết định của Tổng giám đốc và các tài liệu khác liên quan đến quản trị rủi ro phải được lưu trữ đầy đủ và sẵn sàng cung cấp cho Cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu;

All records, documents, reports, meeting minutes, resolutions of the Company Owner, reports on risks, decisions of the Chief Executive Officer and other documents related to governance risks must be fully archived and ready to submit to regulatory authorities upon request;

- b) Thời gian lưu trữ các tài liệu quy định tại Điểm a Khoản này được thực hiện theo quy định pháp luật.

Time for archival of documents specified at Point a this Clause shall comply with regulations of law.

Điều 16. Bộ phận kiểm soát nội bộ**Article 16. Internal control office**

1. Công ty phải thiết lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban giám đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình.

The company must set up the Internal control office directly under the Board of Directors. The internal control system includes apparatus, independent and specialized personnel, and working processes.

2. Bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban giám đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:
The Internal control office under the Board of Directors is responsible for controlling the compliance of following issues:

- a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty, Chủ tịch công ty, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;

Check and supervise the compliance with laws, the Company Charter, decisions of the Company Owner, the Company President, regulations, working processes, and risk management processes of the company, of the related departments and of securities practitioners in the company;

- b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
Monitor the implementation of the internal regulations, activities with potential conflicts of interest within the company, especially for the business activities of the company itself and the personal transactions of employees. Supervise the implementation of the

responsibilities of the staffs in the company and the implementation the vendors' responsibilities for the authorized activities;

- c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
Check the content and monitor the implementation of the rules of professional ethics;
 - d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
Supervise the calculation and comply with regulations to ensure financial safety;
 - e) Tách biệt tài sản của khách hàng;
Separate clients' assets;
 - f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
Preserve and archive clients' assets;
 - g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
Control the compliance with provisions of laws on money laundering prevention;
 - h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng giám đốc giao.
Other contents as assigned by the Chief Executive Officer.
3. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu:
The company must establish the internal control system including organizational structure, working processes and regulations applicable to all positions, offices, departments and activities of the company to ensure:
- a) Hoạt động của công ty tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
The operation of the company is in compliance with the provisions of the Law on Securities and relevant documents;
 - b) Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
Ensure the interests of customers;
 - c) Hoạt động của công ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
The operation of the company is safe and effective; safely and effectively protect, manage and use the assets and resources;
 - d) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của công ty.
The financial information and management information systems are truthful, reasonable, completed and prompt; Be honest in preparing the company's financial statements.

4. Yêu cầu nhân sự của bộ phận kiểm soát nội bộ:

Personnel requirement of the Internal control office:

- a) Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
Assign at least 1 staff to do the compliance control;
- b) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán, có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
The head of the Internal control office must have professional qualifications in law, accounting or auditing; have enough experience, reputation and competence to effectively execute the assigned tasks;
- c) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc trong công ty;
Not being a person related to heads of professional departments, person performing operations, Chief Executive Officer, Senior Executive Officer in the company ;
- d) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
Hold the certificate of Basic issues in securities and securities market, as well as the certificate of Law on securities and securities market; or hold the Securities brokerage practising certificate;
- e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong công ty.
Not concurrently do other jobs in the company.

Chương VIII. XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN**Chapter VIII. HANDLING OF RELATIONSHIP WITH RELATED PARTNERS****Điều 17. Các tranh chấp có thể xảy ra****Article 17. Disputes may occur**

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:
The cases are considered as disputes between the company and related partners when such disputes arise between:
 - a) Chủ sở hữu công ty với công ty;
The Company Owner and the company;
 - b) Chủ sở hữu công ty với người quản lý theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này;
The Company Owner and the company managers as prescribed in Point g Clause 1 Article 1 of this Charter;

- c) Công ty với khách hàng và/hoặc các đối tác liên quan khác;
The company with customers and/or other related partners;
2. Nội dung tranh chấp cần giải quyết: Các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của công ty, tới quyền của Chủ sở hữu phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do pháp luật quy định.
The dispute contents need to be resolved: The disputes related to the operations of the company, to the rights of the Company Owner arising from the Company Charter or from any rights and obligations prescribed by law.

Điều 18. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp**Article 18. Handling of disputes**

1. Thương lượng và hòa giải: Các bên sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Chủ tịch công ty sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Chủ tịch công ty thì bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
Negotiation and conciliation: The parties will try to resolve the dispute through negotiation and conciliation. The Company President will preside over the settlement of the dispute, unless the dispute involves the Company President, either party may request, appoint an independent expert to act as a arbitration for the dispute resolution process.
2. Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
Referral to the Economic Arbitration or Economic Court: Where the conciliation decision is not reached within six (06) weeks from the beginning of the conciliation process, or if the conciliation decision is not agreed by the parties, any party can bring the dispute to the Economic Arbitration or Economic Court.
3. Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí của Tòa án
Cost of negotiation, conciliation and Court costs
- a) Các bên sẽ tự chịu chi phí liên quan tới thủ tục thương lượng, hòa giải;
The parties will bear the costs related to the negotiation and conciliation procedures by themselves;
- b) Các chi phí của Cơ quan giải quyết tranh chấp (Trọng tài, Tòa án) sẽ theo phán quyết của cơ quan tài phán đó.
The costs of the Dispute Settlement Body (Arbitration, Tribunal) will be determined by that jurisdiction.

Điều 19. Các hợp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan**Article 19. Contracts and transactions of the company with related persons**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với những người sau đây phải được Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc chấp thuận:
The contracts and transactions between the company and the following persons are subject to approval by the Company President or the Chief Executive Officer:
 - a) Chủ sở hữu công ty và người có liên quan của Chủ sở hữu công ty;
The Company Owner and their related persons;
 - b) Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc;
The Company President or the Chief Executive Officer;
 - c) Người có liên quan của người quy định tại Điểm b Khoản này;
The related persons of the persons mentioned in Point b of this Clause;
 - d) Người quản lý của Chủ sở hữu công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó;
The managers of the Company Owner, the persons who hold the power to designate these managers;
 - e) Người có liên quan của những người quy định tại Điểm d Khoản này.
The related persons of the persons mentioned in Point d of this Clause.
2. Người nhân danh công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.
The person who concludes a contract or carries on a transaction under the company name shall send a notification to the Company President or the Chief Executive Officer of the related persons and interests; the notification shall be enclosed with the draft contract or summary of the transaction.
3. Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.
The Company President or the Chief Executive Officer shall decide whether to approve the contract or transaction within 10 working days from the receipt of the notification.
4. Hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:
A contract or transaction mentioned in Clause 1 of this Article shall only be approved if the following conditions are fully satisfied:
 - a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
The parties to the contract or transaction are independent legal entities with separate rights, obligations, assets and interests;
 - b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;

The prices applied to the contract or transactions are market prices at the time the contract is concluded or the time the transaction is conducted;

- c) Chủ sở hữu công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại Khoản 4 Điều 77 của Luật Doanh nghiệp.

The Company Owner fulfills the obligations specified in Clause 4 Article 77 of the Law on Enterprises.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

A contract or transaction shall be invalidated under a court decision and handled as prescribed by law if it is concluded or carried out against regulations of Clauses 1, 2, 3 and 4 of this Article. The person who concludes the contract or carries out the transaction and related persons of the parties shall jointly pay compensation for any damage caused and return the benefits generated by such contract or transaction to the company.

Chương IX. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN **Chapter IX. EMPLOYEES AND TRADE UNION**

Điều 20. Công nhân viên và công đoàn **Article 20. Employees and trade union**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để trình Chủ tịch công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý công ty. Đối với những vị trí khác, Tổng giám đốc quyết định các nội dung này và báo cáo để Chủ tịch công ty nắm được.

The Chief Executive Officer shall formulate a plan for the Company President to approve the issues relevant to recruitment, resignation, salaries, social insurance, benefits, discipline and commendation of the company managers. To other positions, the Chief Executive Officer decides on these contents and reports to the Company President for notice.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để trình Chủ tịch công ty thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của công ty và quy định pháp luật hiện hành.

The Chief Executive Officer shall formulate a plan for the Company President to approve issues relevant to the company's relationships with trade union organizations according to best standards, practice and management policies, the practice and policies specified in this Charter, the company's regulations and applicable laws.

Chương X. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN **Chapter X. MANAGEMENT ON FINANCIAL, ACCOUNTING AND AUDIT**

Điều 21. Tài khoản ngân hàng
Article 21. Bank accounts

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
The company shall open accounts at Vietnamese banks or branches of foreign banks that are permitted to operate in Vietnam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
Where necessary and if permitted by competent authorities, the company may open foreign bank accounts in accordance with regulations of law.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà công ty mở tài khoản.
All payments and accounting transactions of the company shall be carried out through the company's Vietnamdong or foreign currency bank accounts.

Điều 22. Năm tài chính
Article 22. Fiscal year

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.
The company's fiscal year begins on January 1st and ends on December 31st of every calendar year. The first fiscal year began on the date of issuance of the Certificate of Enterprise Registration and ended on the 31st December of the same year.

Điều 23. Chế độ kế toán
Article 23. Accounting

1. Chế độ kế toán công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
The company shall apply corporate accounting regulations or special accounting regulations promulgated and approved by competent authorities.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty.
The company's accounting records shall be written in Vietnamese and retained in accordance with accounting laws and relevant laws. These records shall be accurate, up to date, systematic, able to prove and explain the company's transactions.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.
The accounting currency shall be Vietnamdong.

4. Công ty gửi báo cáo tài chính và các báo cáo phục vụ cho công tác hợp nhất báo cáo tài chính của Chủ sở hữu công ty đầy đủ, đúng thời hạn và đảm bảo số liệu chính xác.
The company sends the financial statements and reports for the consolidation of the Company Owner's financial statements in full, on time and to ensure accurate figures.

Điều 24. Kiểm toán
Article 24. Audit

1. Chủ sở hữu công ty ủy quyền cho Chủ tịch công ty quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán và kiểm toán viên được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị thuộc lĩnh vực chứng khoán để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính tiếp theo.
The Company Owner authorizes the Company President to select one of the audit firm and auditor - who are approved by the SSC to audit for the securities sector - to audit the company's financial statements for the next fiscal year.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của công ty.
Audit reports shall be enclosed with the company's annual financial statements.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty được tham dự các cuộc họp Chủ sở hữu công ty về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.
The independent auditors who audit the financial statements of the company are allowed to attend meetings of the Company Owner on matters related to the audit of the company's financial statements.

Điều 25. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận
Article 25. Principles of profit distribution

Chủ sở hữu quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
The Company Owner decides the use of profits after the tax liabilities and other financial obligations are fulfilled in accordance with the law.

Điều 26. Xử lý lỗ trong kinh doanh
Article 26. Handling of business losses

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó công ty kinh doanh có lãi.
Losses from the previous years will be handled in the following year when the company makes profits.

Điều 27. Trích lập các quỹ theo quy định
Article 27. Appropriation of funds according to regulations

1. Hàng năm, sau khi bù đắp các khoản lỗ lũy kế của các năm trước nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của luật thuế, công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Annually, after covering the accumulated losses of the previous years, the company shall deduct from its profits after tax to make provisions for the funds in accordance with the current laws.

2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
The rate of setting up, the limit of setting up, as well as the management and use of the funds specified in Clause 1 of this Article shall comply with the current law provisions.

Chương XI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Chapter XI. REPORTS AND INFORMATION DISCLOSURE

Điều 28. Công bố thông tin

Article 28. Information disclosure

1. Nghĩa vụ công bố thông tin: Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền một cách đầy đủ và kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo.

Obligation to disclose information: The company must comply completely and timely with the regime of information disclosure, periodical and extraordinary reports according to the provisions of the law on securities and stock market or at the request of competent State authorities. The company is responsible for the accuracy and truthfulness of the information and data published and reported.

2. Nội dung công bố thông tin:

Content of information disclosure:

- a) Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty gồm:

The company discloses information related to the business operations of the company, including:

- Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;

Disclosure of periodic information on financial statements, financial safety ratio reports and other reports in accordance with law;

- Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của pháp luật;

Disclosure of extraordinary information within 24 hours from the occurrence or discovery of the event in accordance with law;

- Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Information disclosure at the request of competent authorities.

- b) Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của công ty và báo cáo thường niên của công ty.

The company must disclose information on the corporate governance situation and the company's annual report.

3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.

Information disclosure organization: The company develops and issues regulations on information disclosure in accordance with the Law on Securities and its guiding documents. At the same time, appoint at least one person in charge of the information disclosure.

4. Người công bố thông tin: Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

Information publishers: The company must fulfill the obligation to disclose information through one legal representative or one individual authorized to disclose information. The legal representative must be responsible for the completeness, accuracy and timeliness of the information disclosed by the authorized person. In case of an information disclosure event that all legal representatives and authorized persons are absent, the member holding the highest position of the Board of Executives shall take the responsibility to perform the replacement. information disclosure. In case there is more than 01 person holding the highest position, the remaining members of the Board of Executives must select or appoint 01 person to be responsible for information disclosure.

Chương XII. GIA HẠN THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Chapter XII. EXTENSION OF OPERATION, RESTRUCTURING, DISSOLUTION AND BANKRUPTCY OF THE COMPANY

Điều 29. Gia hạn hoạt động **Article 29. Extension of operating period**

Chủ sở hữu công ty sẽ quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của công ty.
The Company Owner will decide to extend the term of the company.

Điều 30. Tổ chức lại công ty **Article 30. Reorganization of the company**

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được UBCK chấp thuận.

The company shall perform the consolidation, merger or transformation after obtaining the approval of the SSC.

2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật liên quan.
The order and procedures for consolidation, merger and transformation comply with the Law on Enterprises, the Law on Securities and relevant laws.

Điều 31. Giải thể
Article 31. Dissolution of the company

1. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau:
The company can be dissolved in the following cases:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
The operating period specified in the Company's Charter expires without a decision on extension;
 - b) Theo quyết định của Chủ sở hữu công ty;
The dissolution is decided under a decision of the Company Owner.
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
The Certificate of Enterprise Registration is revoked, unless otherwise prescribed by the Law on Tax Administration;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
Other cases prescribed by law.
2. Việc giải thể công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Chủ sở hữu công ty quyết định, Chủ tịch công ty thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
Dissolution of the company ahead of schedule (including extensions) shall be decided by the Company Owner and carried out by the Company President. Such dissolution decision shall be announced and subject to approval by competent authorities (if mandatory) as per regulations.

Điều 32. Phá sản
Article 32. Bankrupt

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
The bankruptcy of the company is implemented in accordance with the law on bankruptcy of enterprises operating in the financial and banking sector.

Điều 33. Thanh lý
Article 33. Liquidation

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể công ty, Chủ tịch công ty phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 01 thành viên do Chủ tịch công ty chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.
At least 06 months before the expiry of the company's operating period or after a decision on dissolution of the company is issued, the Company President shall establish a Liquidation Board which consists of 03 members, 01 of whom shall be appointed by the Company President from an independent audit company. The Liquidation Board shall formulate its own operating regulations. Members of the Liquidation Board may be selected from the company's employees or independent experts. Priority shall be given to payment of liquidation costs over other debts of the company.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
The Liquidation Board shall inform the business registration authority of its establishment date and commencement date. From that date, the Liquidation Board shall perform all liquidation tasks on behalf of the company in the court and administrative authorities.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
Revenues from the liquidation shall be used in the following order:
 - a) Các chi phí thanh lý;
Liquidation costs;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
Unpaid salaries, severance pay, social insurance and other benefits of employees according to the collective bargaining agreement and labor contracts;
 - c) Nợ thuế;
Tax debts;
 - d) Các khoản nợ khác của công ty;
Other debts of the company;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm d Khoản này thuộc về chủ sở hữu.
The remainder after payment of the debts specified in Point a to Point d of this Clause belongs to the Owner.

Chương XIII. DẤU CỦA CÔNG TY
Chapter XIII. THE COMPANY'S SEALS

Điều 34. Dấu của công ty
Article 34. The company's seals

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
Seals include physical seals and digital signatures prescribed by regulations of law on electronic transactions.
2. Chủ tịch công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty:
The Company President decides on the type, quantity, form and content of the seal:
 - a) Con dấu công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ; kích cỡ đường kính 36 milimet;
The company seal is shown as a circle with red ink; diameter size is 36 millimeters;
 - b) Nội dung con dấu công ty thể hiện những thông tin sau đây: (1) Tên công ty: Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản; (2) Số giấy phép: 129; (3) Loại hình công ty: CTTNHH; (4) Địa chỉ nơi công ty đặt trụ sở: Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
The company seal includes the following information: (1) Company name: Japan Securities Co., Ltd.; (2) License number: 129; (3) Type of company: Company limited; (4) Address where the company is headquartered: Ba Dinh district, Hanoi city.
 - c) Công ty có 01 (một) con dấu công ty.
The company has 01 (một) company seals.
3. Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
The Company President and the Chief Executive Officer shall use and manage the seals in accordance with applicable regulations of law.

Chương XIV. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
Chapter XIV. REVISING THE COMPANY'S CHARTER

Điều 35. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ
Article 35. Revising the Company Charter

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Chủ sở hữu xem xét, quyết định.
Revisions to this Charter are subject to approval by the Company Owner.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập hoặc khác với điều khoản trong Điều lệ này thì quy định của pháp luật được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của công ty.

In case regulations of law that are relevant to the company's operation are not mentioned or contradict the contents of this Charter, the regulations of law shall be applied to regulate the company's operation.

Chương XV. NGÀY HIỆU LỰC
Chapter XV. EFFECTIVE DATE

Điều 36. Ngày hiệu lực
Article 36. Effective date

1. Bản điều lệ này gồm 15 chương, 36 điều được Chủ sở hữu công ty Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản thông qua ngày 11 tháng 08 năm 2023 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
This Charter has 15 Chapters, 36 Articles and is fully ratified by the Company Owner of Japan securities Co., Ltd on August 11, 2023.
2. Điều lệ này được lập thành 01 bản gốc.
This Charter shall be made (01) original copy.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.
This is the only and official Company Charter.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch công ty hoặc Tổng giám đốc mới có giá trị.
Copies and extracts of this Charter shall be effective when they bear the signature of the Company President or the Chief Executive Officer.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 08 năm 2023 và thay thế tất cả các Điều lệ tổ chức và hoạt động trước đó của Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản.
This Charter takes effect from date August 11, 2023 and replaces all previous charter of organization and operation of Japan Securities Co., Ltd.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
CHỦ TỊCH CÔNG TY



TSUYOSHI IMAI